TÒA ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

THÀNH PHỐ TÂY NINH **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

TỈNH TÂY NINH

Bản án số: 48/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30-5-2018
"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH – TỈNH TÂY NINH

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Quản;
2. Bà Lê Thị Một.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Linh Phi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Tiểu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử công khai vụ án thụ lý số: 211/2018/TLST – HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50a/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Anh Huỳnh Hữu P, sinh năm: 1975; có mặt

***** *Bị đơn*: Chị Dương Bích T, sinh năm 1976; có đơn xin vắng mặt

Cùng địa chỉ: đường LLQ, khu phố A, phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn ngày 13-4-2018 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Huỳnh Hữu P trình bày:

Giữa anh P và bị đơn chị T tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau năm 1995, sau đó anh chị có xác nhận giấy khai đăng ký kết hôn ngày 11-01-1995 nhưng không có đi đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống với nhau năm 1995, thời

gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng thời gian gần đây giữa hai vợ chồng không có sự hòa hợp, không còn tình cảm với nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên anh P yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị T là vợ chồng.

Anh chị có 02 con chung tên Huỳnh Thị Bảo Tr, sinh ngày 03-01-1999 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết và Huỳnh Thị Yến N, sinh ngày 11-7-2006, anh P có yêu cầu nuôi con chung cháu Yến N không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Dương Bích T trình bày:

Chị T thống nhất lời trình bày của anh P về thời gian chung sống với nhau năm 1995, có làm tờ khai đăng ký kết hôn, nhưng hai bên không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống anh P và chị có những bất đồng về quan điểm sống từ đó vợ chồng không còn tin tưởng nhau, cả hai đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Chị đồng ý giao con chung cháu Yến N cho anh P nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con, còn cháu Bảo Tr đã lớn không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh P biểu ý kiến và quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, HĐXX đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng, có căn cứ theo quy định của pháp luật. Về việc tống đạt các văn bản cho các đương sự cũng như xác định tư cách tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14; Điều 15; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình: Tuyên bố không công nhận mối quan hệ giữa anh Huỳnh Hữu P và chị Dương Bích T là vợ chồng; Về con chung: Cháu Huỳnh Thị Bảo Tr, sinh ngày 03-01-1999 đã trưởng thành không xem xét, giao con chung tên Huỳnh Thị Yến N cho anh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục phù hợp nguyện vọng của cháu N được chung sống với cha; Tài sản chung; Nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Dương Bích T tuy vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã căn cứ Khoản 1, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Giữa anh P và chị T chung sống với nhau từ năm 1995 như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên không có giá trị pháp lý, không làm P sinh quyền và

nghĩa vụ của vợ chồng. Anh P có yêu cầu ly hôn với chị T, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định của pháp luật để tuyên bố không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa anh P và chị T là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Anh P, chị T có 02 con chung tên Huỳnh Thị Bảo Tr, sinh ngày 03- 01-1999 (đã trưởng thành) nên không đặt ra xem xét và cháu Huỳnh Thị Yến N, sinh ngày 11-7-2006, anh P và chị T thống nhất giao con chung cháu Yến N cho anh P nuôi dưỡng phù hợp nguyện vọng của cháu N được chung sống với cha, anh P không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung; Về nợ chung: Anh P, chị T không yêu cầu giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh P phải chịu án phí theo qui định Điểm a, Khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 9, 14, 15, 53, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Huỳnh Hữu P và chị Dương Bích T.

2.Về con chung:

Anh P, chị T có 02 con chung tên Huỳnh Thị Bảo Tr, sinh ngày 03-01-1999 (đã trưởng thành).

Giao con chung Huỳnh Thị Yến N, sinh ngày 11-7-2006 cho anh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung thành niên tự lao động sinh sống được phù hợp nguyện vọng của cháu N được chung sống với cha. Anh P không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Chị Dương Bích T được quyền đến thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tàn sản chung; Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Anh Huỳnh Hữu P phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí khởi kiện đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005348 ngày 16-4-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Anh P đã nộp đủ án phí.

5.Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Hương

Nơi nhận:
-Phòng KTNV, TAND tỉnh Tây Ninh;
-VKSND Tp.TN;
- Chi cục THADS Tp.TN;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ;